

Bản án số: 872/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Tiến

2. Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc T - sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: đường N, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: đường N, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Trần Thị Ngọc T có mặt, ông Nguyễn Văn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện sống chung và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/1989, quyển số I/P15 ngày 14/12/1989.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà số 80 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm gây tranh cãi, tính tình ông H gia trưởng, có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, còn nhiều lần đánh và xúc phạm bà, chỉ vì nghĩ cho con cái nên đã cho nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông H không có biểu hiện thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay, mỗi người một cuộc sống không quan tâm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C - sinh năm 1990 và Nguyễn Tấn P - sinh năm 1993, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh năm 1990 và Nguyễn Tấn P, sinh năm 1993, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Ngọc T có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Văn H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ngụ tại

quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn ông Nguyễn Văn H đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 87/1989, quyền số I/P15 ngày 14/12/1989, do Ủy ban nhân dân Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/1989 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo ý kiến trình bày của nguyên đơn thì giữa H bên đã có mâu thuẫn tồn tại và đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm gây tranh cãi, nhiều lần còn đánh, xúc phạm bà. Ông H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bà T đã nhiều lần tạo cơ hội điều kiện để ông H sửa đổi tuy nhiên ông H không có động thái hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng nhau nhưng giữa bà T và ông H đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong thời gian giải quyết Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt thể hiện Bị đơn không tôn trọng giữ gìn mối quan hệ hôn nhân này, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.1.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C - sinh năm 1990 và Nguyễn Tấn P - sinh năm 1993, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.1.3] Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.4] *Về nợ chung*: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T:

- *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C - sinh năm 1990 và Nguyễn Tấn P - sinh năm 1993, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà T khai không có.

2. *Về án phí*:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0030895 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm

sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- CCTHADS QTB;
- UBND Phường K, quận B, Tp. HCM
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm